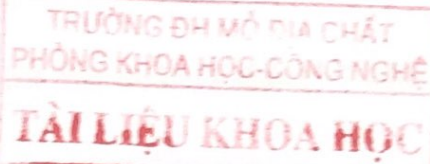


BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

Tên đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến xác định nguồn gốc, điều kiện thành tạo, quy luật phân bố và tiềm năng vàng ẩn sâu trong cấu trúc nếp lồi tây bắc Thanh Hóa

Mã số: ĐTĐL.CN-85/21

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS Trương Xuân Luận
Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Hồ sơ gồm có:

1. Hợp đồng thực hiện đề tài Khoa học và Công nghệ
2. Thuyết minh đề tài
3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ
4. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức chủ trì
5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính
6. Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp nghiên cứu
7. Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học
8. Quyết định thành lập hội đồng tuyển chọn và tổ thẩm định kinh phí; Biên bản họp hội đồng tuyển chọn và Biên bản họp tổ thẩm định nội dung và kinh phí
9. Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian và kinh phí thực hiện đề tài
10. Các tài liệu khác (Danh sách người thực hiện, Phương án xử lý tài sản.....)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Số: 85/2021/HĐ-ĐTĐL.CN-XNT

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 về quy định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKH-CN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 207/2013/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKH-CN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-BKH-CN ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian, phương thức khoán chi và kinh phí thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Quốc gia bắt đầu thực hiện trong kế hoạch năm 2021;

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A):

a/ Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

- Do Ông: Ngô Sỹ Quốc
- Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện
- Địa chỉ: Tầng 12, số 113, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tel: (04) 39366770; Fax: (04) 39366771;
- Số tài khoản: 9527; Mã QHSDNS 1030031 tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội.

b/ Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên:

- Do Ông: **Lê Quang Thành**

- Chức vụ: Vụ trưởng làm đại diện.

- Địa chỉ: Tầng 8, số 113, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

- Điện thoại: (024).3.2216901.

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): **Trường Đại học Mở - Địa chất**

- Do Ông **Trần Thanh Hải**

- Chức vụ: Hiệu trưởng làm đại diện.

- Địa chỉ: Trường Đại học Mở - Địa chất, 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (04) 3755 1119 Fax: (04) 38 8389 633

- Số tài khoản: 3713.0.1055493

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm

Mã QHNS: 1055493

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài.

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện đề tài "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến xác định nguồn gốc, điều kiện thành tạo, quy luật phân bố và tiềm năng khoáng sản vàng ẩn sâu trong cấu trúc nếp lồi tây bắc Thanh Hóa" theo các nội dung trong Thuyết minh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Đề tài là 36 tháng, từ tháng 10 năm 2021 đến hết tháng 9 năm 2024.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài

1. Đề tài được thực hiện theo hình thức Khoán chi một phần.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài: 7.000 triệu đồng (bằng chữ: Bảy tỷ đồng chẵn), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 7.000 triệu đồng (bằng chữ: Bảy tỷ đồng chẵn).

+ Kinh phí khoán: 6.450 triệu đồng (bằng chữ: Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

+ Kinh phí không giao khoán: 550 triệu đồng (bằng chữ: năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;
- b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt tại Thuyết minh và các Phụ lục 1, 2 của Hợp đồng này;
- c) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);
- d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;
- đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo Thuyết minh;
- e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài;
- g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;
- h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;
- i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;
- k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Đề tài, bàn giao kết quả thực hiện Đề tài cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;
- l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đề tài và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài (nếu có);
- m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành;
- n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các

yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh và các Phụ lục 1, 2 của Hợp đồng này;

b) Ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

c) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

d) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Đề tài;

đ) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

e) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

g) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

h) Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

i) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kinh phí được cấp cho Đề tài theo hợp đồng đã ký kết; chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu và chịu sự kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề tài của các cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật; thanh toán kinh phí đã tạm ứng các đợt trước, để nhận kinh phí tạm ứng của đợt tiếp theo;

l) Thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ đã hoàn thiện để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

m) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra (nếu có) từ kết quả nghiên cứu của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

n) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

o) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu;

p) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông

tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

q) Công bố kết quả thực hiện Đề tài sau khi được Bên A cho phép;

r) Chủ nhiệm Đề tài cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

s) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài;

t) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

u) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

↳ **Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

b) Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức Bên B phải hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách đã sử dụng đối với Đề tài.

2. Đối với Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài bị đình chỉ thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức Bên B phải hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách đã sử dụng.

4. Đối với Đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Hai bên thống nhất rà soát danh mục tài sản hình thành trong quá trình thực hiện của đề tài. Trong trường hợp cần thiết hai bên lập hợp đồng bổ sung về phương án xử lý tài sản trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 “Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước” và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi kết thúc đề tài 12 tháng.

2. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Các sản phẩm vật chất của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc

chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng gồm 17 trang bao gồm cả phụ lục được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, Bên A giữ 6 bản, Bên B giữ 4 bản.

BÊN B

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
HIỆU TRƯỞNG**



Trần Thanh Hải

BÊN A

**VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Sỹ Quốc

**VỤ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ TỰ NHIÊN
VỤ TRƯỞNG**

Lê Quang Thành

THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA¹

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến xác định nguồn gốc, điều kiện thành tạo, quy luật phân bố và tiềm năng vàng ẩn sâu trong cấu trúc nếp lồi tây bắc Thanh Hóa.	1a	Mã số: ĐTĐL.CN-85/21
2	Thời gian thực hiện: 36 tháng (Từ tháng 10/2021 đến tháng 9/2024)	3	Cấp quản lý Quốc gia <input checked="" type="checkbox"/>
4	Tổng kinh phí thực hiện: 7.000 triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước	7.000	
	- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	0	
5	Đề nghị phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input checked="" type="checkbox"/>	Khoán từng phần, trong đó:
		- Kinh phí khoán : 6.450 triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán: 550 triệu đồng	
6	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số: <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input checked="" type="checkbox"/> Độc lập <input type="checkbox"/> Khác		
7	Lĩnh vực khoa học		
	<input checked="" type="checkbox"/> Tự nhiên;	<input type="checkbox"/> Nông nghiệp;	
	<input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ;	<input type="checkbox"/> Y, dược.	

¹ Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

7. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ
 Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

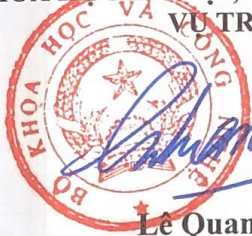
Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn									
		Ngân sách nhà nước									
		Tổng số		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định
2	3	4= (6+8+ 10+12)	5= (7+9+ 11+13)	6	7	8	9	10	11	12	13
Trà công lao động	5.000	5.000	5.000	395	395	1.322	1.322	2.250	2.250	1.033	1.033
Nguyên,vật liệu, năng lượng	550	550				550					
Chi khác	1.450	1.450	1.450	105	105	1.178	1.178	70	70	97	97
Tổng cộng	7.000	7.000	6.450	500	500	3.050	2.500	2.320	2.320	1.130	1.130

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

TL. BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ TỰ NHIÊN
VỤ TRƯỞNG



Lê Quang Thành

(Handwritten signature)

Trương Xuân Luận

KT.GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Sỹ Quốc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
HIỆU TRƯỞNG



Trần Thanh Hải

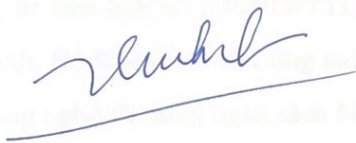
DANH SÁCH CÁN BỘ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên, Học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài	Số ngày công thực hiện đề tài	Tổ chức công tác
1	GS.TS. Trương Xuân Luận	Chủ nhiệm đề tài	413	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
2	ThS. Trần Thị Hải Vân	Thư ký, Thành viên chính	400	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
3	GS.TS. Trần Thanh Hải	Thành viên chính	350	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
4	PGS.TS. Lê Tiến Dũng	Thành viên chính	450	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
5	PGS.TS. Nguyễn Khắc Giảng	Thành viên chính	470	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
6	TS. Khương Thế Hùng	Thành viên chính	470	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
7	ThS. Đặng Hữu Nghị	Thành viên chính	450	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
8	TS. Trần Văn Miến	Thành viên chính	380	Tổng hội Địa chất Việt Nam
9	TS. Trương Xuân Quang	Thành viên chính	300	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
10	ThS. Đỗ Mạnh An	Thành viên chính	456	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
11	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	208	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
12	PGS.TS. Trần Văn Anh	Thành viên	190	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
13	KS. Trương Đức Tuấn	Thành viên	150	Cục Đo đạc Bản đồ Miền Bắc
14	TS. Đào Thái Bắc	Thành viên	180	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
15	TS. Tô Xuân Bản	Thành viên	150	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
16	ThS. Nguyễn Trung Thành	Thành viên	200	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
17	PGS.TS. Bùi Hoàng Bắc	Thành viên	110	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
18	TS. Ngô Xuân Đắc	Thành viên	145	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
19	TS. Nguyễn Thị Mai Dung	Thành viên	110	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
20	ThS. Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	200	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
21	TS. Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên	185	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
22	TS. Đặng Thị Vinh	Thành viên	210	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
23	ThS. Phạm Hữu Lợi	Thành viên	200	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
24	ThS. Hà Thành Như	Thành viên	250	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
25	KS. Phạm Trường Sinh	Thành viên	150	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
26	ThS. Lê Thị Ngọc Tú	Thành viên	150	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
27	KS. Vũ Đức Hiệp	Thành viên	210	Trường Đại học Mỏ - Địa chất

TT	Họ và tên, Học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài	Số ngày công thực hiện đề tài	Tổ chức công tác
28	ThS.NCS Lê Xuân Trường	Thành viên	210	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
29	KS. Lã Ngọc Linh	Thành viên	180	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
30	ThS. Đỗ Như Hải	Thành viên	210	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
31	ThS. Diêm Thị Thùy	Thành viên	250	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
32	ThS. Đinh Đức Anh	Thành viên	120	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
33	ThS. Trần Văn Đức	Thành viên	200	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
34	CN. Nguyễn Thị Loan	Thành viên	200	Trung tâm Triển khai CN Khoáng chất
35	KS. Vũ Đình Tài	Thành viên	120	Liên đoàn Bản đồ ĐC Miền Bắc
36	TS Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	120	Viện Khoa học ĐC và Khoáng sản
37	ThS. Trần Bá Duy	Thành viên	120	Viện Khoa học ĐC và Khoáng sản
38	ThS. NCS Nguyễn Chí Công	Thành viên	90	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Tổng			8.957	

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

Chủ nhiệm đề tài
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)



GS.TS Trương Xuân Luận

Tổ chức chủ trì đề tài
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS *Trần Thanh Hải*